| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ H**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày 30-8-2019
"V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Huỳnh Thanh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Phạm Thiện Bữu.

Ông Phạm Thủy Nông.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyền là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà***: Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLST- DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1958.

Địa chỉ cư trú: khóm c, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn M, sinh năm 1969.
Địa chỉ cư trú: khóm A, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: khóm B, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: **Ông Nguyễn Văn L**, sinh năm: 1964.

Địa chỉ cư trú: khóm A, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm Bà Lê Thị Thu H trình bày*: Trước đây, bà có cho Ông Trần Văn M mượn số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi 1.500.000đ/10.000.000đ/01 tháng. Ông M có đóng tiền lãi được 01 tháng rồi M không đóng lãi nữa, đồng thời bỏ địa phương đi cho đến nay. Từ ngày 12/8/2015 âm lịch cho đến ngày 12/12/2018 âm lịch là 40 tháng mỗi 01 tháng 1.500.000đ, tổng cộng lãi là 60.000.000đ. Bà thừa nhận có lấy bộ bàn ghế tại nhà Ông M do ông L là anh vợ của Ông M giao. Lúc đó, khi giao ông L có nói với bà H giá trị bộ bàn ghế là 7.000.000đ, bà không nhớ bộ bàn ghế đó có tổng cộng bao nhiêu cái bàn, cái ghế. Sau khi lấy xong thì bà bán lại cho người khác với giá là 5.000.000đ. Từ tháng 9 năm 2015 đến nay thì bà không có thông báo cho Ông M biết việc trả lại số tiền vay vì sau khi vay tiền xong thì Ông M bỏ địa phương đi. Đến năm 2019 Ông M về địa phương được hơn 02 tháng thì bà có đến nhà Ông M để đòi tiền nhưng Ông M không trả mà nói là bà đã lấy bàn ghế để trừ nợ. Trước đây, bà yêu cầu Ông Trần Văn M trả tiền vốn và lãi cho bà tổng cộng là 70.000.000đ. Nay bà yêu cầu Ông M trả số tiền gốc là 10.000.000đ và lãi từ tháng 10 năm 2015 đến tháng 7 năm 2016 là 15.000.000đ (lãi suất tháng 1.500.000đ/10.000.000đ). Tổng cộng gốc và lãi là 25.000.000đ, trừ số tiền 7.000.000đ bộ bàn ghế bà lấy của Ông M thì Ông M còn nợ bà số tiền là 18.000.000đ. Nay bà khẳng định chỉ yêu cầu Ông M trả số tiền còn nợ tổng cộng là 18.000.000đ. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì thêm cho đến khi kết thúc vụ kiện.

- *Bị đơn Ông Trần Văn M trình bày*: Vào ngày 12/4/2015 ông có hỏi tiền lời của Bà Lê Thị Thu H, số tiền là 10.000.000đ, với lãi suất là 10 ngày phải đóng 1.000.000đ. Đến ngày 12/8/2015 âm lịch do lãi suất quá cao nên ông và bà H có bàn bạc lại về phần lãi và có đi đến thống nhất với phần lãi tiếp theo là 1.500.000đ/tháng, kể từ ngày 12/8/2015 âm lịch. Vào cuối năm 2015 ông bỏ địa phương đi nơi khác làm ăn không đóng lãi. Sau đó không rõ ngày tháng năm, bà H có cầm giấy nợ của ông gặp ông Nguyễn Văn L là anh vợ của ông đang trông coi nhà dùm giao bộ bàn ghế đai loại gỗ thau lau để trừ nợ. Sau khi giao bộ bàn ghế cho bà H xong thì anh L có điện thoại cho ông thì ông cũng thống nhất việc anh L giao bộ bàn ghế cho bà H để trừ nợ. Khi đó anh L có ghi việc bà H lấy bộ bàn ghế

phía dưới tờ biên nhận ngày 12/8/2015 tờ biên nhận này bà H giữ, ông không hiểu vì sao trong bản chính bà H cung cấp cho Tòa án đã không có nội dung anh L ghi, nhưng ông khẳng định không yêu cầu giám định nội dung này. Nay đối với yêu cầu của bà H yêu cầu ông trả số tiền còn nợ tổng cộng là 18.000.000đ thì ông không đồng ý.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trình bày*: Ông là anh vợ Ông Trần Văn M, ông không biết M vay tiền của bà H khi nào, số tiền vay là bao nhiêu. Sau khi M thiếu nợ bỏ nhà đi làm thuê, khoảng mười mấy ngày sau không nhớ rõ ngày tháng nào nhưng khoảng cuối năm 2015 bà H có đến nhà ông gặp ông bà H nói với ông và kêu ông đưa bộ bàn ghế của M cho bà để trừ dứt số tiền nợ 10.000.000đ cho M. Ông thấy bà H đưa tờ biên nhận ra nên ông mới điện thoại cho Ông M nói bà H đến lấy bộ bàn ghế trừ nợ 10.000.000đ thì Ông M thừa nhận còn thiếu 10.000.000đ của bà H và đồng ý để cho ông giao bộ bàn ghế của M cho bà H trừ nợ. Khi giao bộ bàn ghế cho bà H thì ông có ghi vào tờ biên nhận của M ký tên vay tiền của bà H ở góc bên trái phía dưới hàng chữ có nội dung: "*Tôi là Nguyễn Văn L, sinh năm 1964 có giao một cái bàn, 01 cái ghế dài (ghế đôi), 02 cái ghế chiếc (ghế đôn), 02 cái ghế nhỏ giao cho chị H để trừ dứt số nợ cho Trần Văn M*", phía dưới chị H ký tên nhận, còn ông thì không ký vì ông viết. Nhưng không biết vì lý do gì mà hiện nay Tòa án đưa ông xem tờ giấy biên nhận trên thì không còn những dòng chữ đó nữa. Ông chỉ trình bày vậy thôi chứ ông không có yêu cầu gì về nội dung hay tẩy xóa trong tờ biên nhận trên. Ông chỉ biết có đưa bộ bàn ghế của M cho bà H để trừ nợ cho M chứ ông không biết giữa M và bà H thỏa thuận cách vay hay cách trả tiền như thế nào. Cho nên, trong vụ kiện đòi tiền vay này giữa bà H và Ông M thì ông không có quyền và nghĩa vụ gì. Tòa án cứ xem xét giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Khấu trừ phần tiền bà H lấy bộ bàn ghế trị giá 7.000.000đ vào vốn vay và khấu trừ tiền lãi 1.500.000đ bà H thừa nhận Ông M đã đóng lãi cho bà vào tiền lãi. Do đó, xét khởi kiện của bà H là có một phần căn cứ. Đề xuất: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Thu H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Bà Lê Thị Thu H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà H có cho Ông M mượn số tiền 10.000.000đ và hai bên thỏa thuận lãi 1.500.000đ/10.000.000đ/ 01 tháng, cho nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Sau khi vay tiền của bà H vào tháng 8/2015, đến cuối năm 2015, Ông M thiếu nợ nhiều người bỏ trốn khỏi địa phương, khi bà H đến nhà Ông M đòi tiền thì không có mặt Ông M nên bà H không có thông báo cho Ông M biết được thời gian trả nợ. Mặc dù bà H không có thông báo cho Ông M biết thời gian trả nợ, nhưng căn cứ vào việc bà H có đến đòi tiền Ông M và bà H có lấy bộ bàn ghế của Ông M vào cuối năm 2015, đều này được ông Nguyễn Văn L và Ông M thừa nhận. Đến năm 2019, khi Ông M trở về thì bà H tiếp tục đến đòi nợ Ông M. Cho nên, căn cứ vào Điều 154 Bộ luật dân sự năm 2005 (tương ứng Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015) thì xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, bà H cho Ông M vay số tiền 10.000.000đ từ ngày 12/8/2015, trong biên nhận vay chỉ thỏa thuận trả lãi hàng tháng mà không nói rõ thời hạn trả nợ gốc nên xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay (bà H) có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay (Ông M) một thời gian hợp lý theo quy định tại khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 (tương ứng khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015).

[3] Xét yêu cầu của bà H về việc yêu cầu Ông M trả số tiền gốc là 10.000.000đ và lãi từ tháng 10 năm 2015 đến tháng 7 năm 2016 là 15.000.000đ (lãi suất 1.500.000đ/10.000.000đ/tháng), tổng cộng gốc và lãi là 25.000.000đ, trừ số tiền 7.000.000đ bộ bàn ghế bà lấy của Ông M, còn lại bà H yêu cầu Ông M trả cho bà số tiền là 18.000.000đ. Xét thấy, bà H cho rằng khoảng cuối năm 2015 bà H có đến đòi nợ Ông M nhưng do Ông M bỏ địa phương đi không có ở nhà nên ông

Nguyễn Văn L là anh vợ Ông M điện thoại báo với Ông M việc bà H đến lấy bộ bàn ghế của Ông M, Ông M cũng thống nhất. Theo Ông M và ông L trình bày bà H lấy bộ bàn ghế là để trừ nợ, nhưng bà H thì không thừa nhận, Ông M không có chứng cứ gì chứng minh bà H lấy bộ bàn ghế để trừ nợ. Nếu như ông L cho rằng bà H đến lấy bộ bàn ghế để trừ hết số nợ của Ông M thì lẽ ra ông L phải lấy tờ biên nhận lại, nhưng ông L không làm vậy. Hiện nay trong tờ biên nhận không có dòng chữ ông L ghi như ông L trình bày nên xét lời trình bày của ông L cho rằng bà H lấy bộ bàn ghế trừ hết nợ cho Ông M là không có cơ sở.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có văn bản yêu cầu Ông M cung cấp chứng cứ chứng minh giá trị còn lại của bộ bàn ghế là bao nhiêu và thời điểm bà H đến lấy bộ bàn ghế là thời điểm nào, nhưng Ông M không cung cấp được. Ngoài ra, Tòa án lập biên bản giải thích pháp luật cho tất cả các đương sự biết về việc có yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét thẩm định, định giá tài sản là bộ bàn ghế theo quy định của pháp luật, nhưng tất cả các đương sự đều khẳng định đã nghe rõ Tòa án giải thích nhưng vẫn không yêu cầu đối với các nội dung trên, nên Tòa án không xem xét giải quyết. Do Ông M không chứng minh giá trị bộ bàn ghế tại thời điểm bà H lấy là bao nhiêu, nên căn cứ vào lời trình bày của bà H thì giá trị bộ bàn ghế bà và ông L thống nhất tại thời điểm bà H lấy bộ bàn ghế là 7.000.000đ, nên ghi nhận.

[5] Xét việc bà H yêu cầu Ông M trả lãi từ tháng 10 năm 2015 đến tháng 7 năm 2016 (là 10 tháng) với lãi suất theo hai bên thỏa thuận là 1.500.000đ/10.000.000đ/tháng = 15.000.000đ là chưa phù hợp. Bởi vì, mặc dù hai bên thỏa thuận lãi suất 1.500.000đ/10.000.000đ/tháng, nhưng việc thỏa thuận này vượt quá lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, phải điều chỉnh lại lãi suất cho phù hợp theo quy định của pháp luật.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, mặc dù Ông M không thừa nhận có đóng 01 tháng lãi cho bà H, nhưng bà H thừa nhận và khẳng định sau khi vay ngày 12/8/2015, đến tháng 9/2015 Ông M đóng lãi được một tháng là 1.500.000đ. Do bà H thừa nhận có nhận 01 tháng lãi của Ông M nên phải điều chỉnh và trừ cấn lại trong số tiền lãi cho phù hợp. Do đó lãi suất được tính như sau:

- Ông M vay từ ngày 12/8/2015 với số tiền gốc là 10.000.000đ.

- Lãi suất theo quy định của pháp luật là (0,125%/tháng):

* Từ tháng 8/2015 đến tháng 9/2015:

10.000.000đ x 1,125%/tháng x 01 tháng = 112.500đ.

Bà H cho rằng Ông M đã đóng lãi của tháng 9 năm 2015 (01 tháng) là 1.500.000đ. Do đó, Ông M đã đóng dư 1.387.500đ (1.500.000đ – 112.500đ).

- Tiền nợ gốc còn lại phải tính lãi: 10.000.000đ – 1.387.500đ = 8.612.500đ.

* Từ tháng 10/2015 đến tháng 12/2015:

8.612.500đ x 1.125% x 3 tháng = 290.500đ.

Bà H lấy bộ bàn ghế trị giá 7.000.000đ:

7.000.000đ – 290.500đ = 6.709.500đ.

Như vậy, vốn gốc còn lại: 8.612.500đ - 6.709.500đ = 1.903.000đ.

* Từ tháng 01 năm 2016 đến tháng 7 năm 2016 (là 7 tháng):

1.903.000đ x 1.125%/tháng x 7 tháng = 149.800đ.

Do đó: Gốc 1.903.000đ + lãi 149.800đ = 2.053.800đ, làm tròn là 2.054.000đ (Hai triệu không trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

Từ những phân tích trên xét yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Thu H là có căn cứ một phần nên chấp nhập. Buộc Ông Trần Văn M phải có trách nhiệm trả cho Bà Lê Thị Thu H số tiền vay còn nợ tổng cộng vốn và lãi là 2.053.800đ, làm tròn là 2.054.000đ (Hai triệu không trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

[7] Đối với ông Nguyễn Văn L không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Đối với việc ông L giao bộ bàn ghế của Ông M cho bà H được sự thống nhất của Ông M, Ông M không yêu cầu gì đối với ông L nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Thu H được chấp nhận một phần nên Ông Trần Văn M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của bà H được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Bà H phải chịu tiền án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận 15.946.200đ (số tiền án phí phải chịu là 797.000đ). Tuy nhiên, bà H thuộc diện người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại

điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H phát biểu ý kiến: Phải khấu trừ phần tiền bà H lấy bộ bàn ghế trị giá 7.000.000đ vào vốn vay và khấu trừ tiền lãi 1.500.000đ bà H thừa nhận Ông M đã đóng lãi cho bà vào tiền lãi. Xét khởi kiện của bà H là có một phần căn cứ. Do đó, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Thu H. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử*:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Thu H.

- Buộc Ông Trần Văn M có trách nhiệm trả cho Bà Lê Thị Thu H số tiền vay còn thiếu tổng cộng là 2.053.800đ, làm tròn là 2.054.000đ (Hai triệu không trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

2/ Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí:

- Buộc Ông Trần Văn M phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị Thu H được miễn tiền án phí theo quy định.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có

lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

*Nơi nhận*:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thanh Tâm**